

Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Nhật Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Đinh Đắc Tư**;

Bà **Huỳnh Thị Kim Phượng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đặng Thị Mỹ Y** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tiên Lễ**- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐST-DS, ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thu H**, sinh năm 1991(Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Vĩnh T, xã Vĩnh T, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Bi đơn: Ông **Đặng Văn T**, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T là do tự quen biết, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và sau này có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ vào ngày 28/5/2018. Thời gian đầu

vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2018 thì vợ, chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên bà H và ông T đã ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay. Do không còn tình cảm nên bà H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Đặng Văn K, sinh ngày 17/9/2019 và Đặng Vĩnh N, sinh ngày 16/7/2013. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và cháu N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con vì bà có thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông T. Về con chung: Đặng Văn K, sinh ngày 17/9/2019 và Đặng Vĩnh N, sinh ngày 16/7/2013 cho bà H nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H và ông T theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà H yêu cầu ly hôn với bị đơn ông T nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn.

Do bị đơn có nơi thường trú tại huyện Vĩnh Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu H và ông Đặng Văn T xác lập quan hệ vợ chồng và sau này có đăng ký kết hôn vào năm 2018. Bà H xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vào khoảng cuối năm 2018 do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã với nhau, nên cảm thấy không còn hạnh phúc. Vì vậy nay bà H xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên bà yêu cầu xin ly hôn với ông T. Biên bản xác minh ngày 02/11/2022 của công chức tư pháp xã Vĩnh Bình thì việc bà H và ông T có sự bất đồng ý kiến và xung đột với nhau và đã sống ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân ông T cũng không có biện pháp cụ thể nào để Hn gắn quan hệ vợ chồng và cũng không có ý kiến gì để phản đối yêu cầu ly hôn của bà H. Hơn nữa, bà H vẫn cương quyết xin ly hôn với ông T.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà H có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông T có có hai con chung tên Đặng Văn K, sinh ngày 17/9/2019 và Đặng Vĩnh N, sinh ngày 16/7/2013. Bà H xin được nuôi dưỡng hai cháu Khôi và Nguyên, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Khôi và Nguyên, Hội đồng xét xử giao cháu K và cháu N cho bà H nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[4] Về tài sản chung: Bà H xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà H xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[7] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của người tham gia tố tụng cũng như ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39; khoản 1, 2 điều 227; khoản 1, 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị Thu H được ly hôn với ông Đặng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Văn K, sinh ngày 17/9/2019 và Đặng Vĩnh N, sinh ngày 16/7/2013 cho bà Lê Thị Thu H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Đặng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà H chưa yêu cầu.

Ông Đặng Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006330 ngày 25/7/2022 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, tHnh phố Cần Thơ. Vậy bà H đã thi Hnh xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà H và ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tHnh phố Cần Thơ xét xử theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đặng Nhật Trường

Noi
- TA
- VK
- Ch
- Cá
- Lu

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Sáu

